

ĐỊNH KHUÔN XÃ HỘI VỀ NGHỀ GIÁO VIÊN NGÀY NAY Ở CÁC NHÓM SINH VIÊN SƯ PHẠM VÀ NGOÀI SƯ PHẠM

Nguyễn Đức Sơn

Khoa Tâm lý - Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Định khuôn xã hội (stereotype) là một hiện tượng tâm lý xã hội được nghiên cứu nhiều trong Tâm lý học xã hội Mỹ và phương Tây. Tuy vậy, ở Việt Nam còn ít được nghiên cứu. Định khuôn xã hội là yếu tố quan trọng chi phối quá trình tri giác xã hội và do vậy có ảnh hưởng lớn tới hành vi xã hội. Nó đóng vai trò định hướng cho hành vi xã hội, dẫn dắt hành vi xã hội ngoài tầm ý thức của cá nhân. Nhiều nghiên cứu cho rằng ảnh hưởng của định khuôn xã hội đối với hành vi xã hội mang tính tiềm thức. Đối với các cá nhân thuộc về nhóm, định khuôn xã hội khi được kích hoạt sẽ dẫn tới sự đồng nhất hành vi đối với nhóm, còn với các nhóm khác có xu hướng dẫn tới sự tương phản trong hành vi. Như vậy, định khuôn xã hội giúp cá nhân có thể dự đoán trước hành vi xã hội của người khác đã được cá nhân xếp vào một nhóm.

Định khuôn về một nhóm xã hội nào đó ở các nhóm xã hội là không giống nhau, có thể có sự trùng hợp hoặc khác biệt. Điều đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, yếu tố chủ yếu là vị thế xã hội của nhóm.

Nghiên cứu này nhằm mục đích:

+ Xác định một số yếu tố cơ bản của định khuôn xã hội về nghề giáo viên bằng phương pháp phân tích nhân tố.

+ Xác định định khuôn xã hội về người giáo viên ở 2 nhóm xã hội: sinh viên sư phạm (định khuôn nội nhóm: in-group) và sinh viên ngoài sư phạm (định khuôn ngoại nhóm: out-group)

+ So sánh 2 mô hình định khuôn đó, chỉ ra sự tương đồng và không tương đồng giữa 2 hình mẫu định khuôn.

2. Khái niệm công cụ và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm: Có nhiều cách hiểu về định khuôn xã hội. Trong nghiên cứu này định khuôn xã hội được hiểu là *những biểu tượng sẵn có, ổn định và chung ở các nhóm xã hội về những đặc trưng nổi bật được gán cho tất cả các thành viên của một nhóm xã hội (nhóm khác hay của chính nhóm mình), dựa vào đó có thể nhận biết và phân biệt các nhóm xã hội và các cá nhân thuộc về nhóm xã hội đó với các nhóm xã hội khác.*

Với cách hiểu đó, khi thao tác hóa khái niệm này có một số điểm cần lưu ý:

- Chỉ những biểu tượng mang tính *phổ biến, thống nhất* ở đa số cá nhân (> 70%) thuộc một nhóm xã hội mới được coi là biểu tượng mang tính định khuôn.

- Những biểu tượng (đặc trưng) *mang tính sơ giản, giúp phân biệt* được với các nhóm xã hội khác, chủ yếu dựa trên các hành vi hoặc các biểu hiện bề ngoài có thể quan sát được.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Khách thể: 165 sinh viên, trong đó 96 sinh viên sư phạm (ĐHSP Hà Nội), 69 sinh viên quản trị kinh doanh (Viện Đại học Mở Hà Nội). Tất cả đều là sinh viên năm thứ 2.

2.2.2. Phương pháp và tổ chức nghiên cứu:

- Sử dụng thang đo Likert với các mục hỏi (item) được tập hợp từ phiếu hỏi khảo sát sơ bộ.

- Phương pháp phân tích nhân tố.

- Các phương pháp thống kê toán: trung bình cộng, tỷ lệ phần trăm, kiểm định T - test...

Khảo sát sơ bộ: tiến hành điều tra bằng bảng hỏi trên 35 sinh viên sư phạm và 69 sinh viên ngoài sư phạm để xác định các đặc trưng của nhóm nghề giáo viên. Bảng hỏi được thiết kế với một câu hỏi mở: Theo bạn, những người làm nghề giáo viên hiện nay có những đặc điểm gì khác với những người thuộc ngành nghề khác? Sau đó tất cả các ý kiến được tập hợp lại để thiết kế thang đo: các ý kiến trùng nhau sẽ được giữ lại ý kiến đại diện, tất cả các ý kiến khác đều được đưa vào thang đo, sao cho mọi ý kiến, kể cả ý kiến chỉ có ở một cá nhân cũng được có mặt trong thang đo.

- Trên cơ sở các đặc trưng đã được xác định, xây dựng thang đo. Thang đo được thiết kế theo kiểu thang đo Likert với 5 mức độ (từ: Rất đồng ý đến rất không đồng ý). Sử dụng cùng một thang đo cho 2 nhóm sinh viên. Sinh viên được hỏi về sự tồn tại của các đặc trưng đó ở nghề giáo viên. Thang đo được điều tra thử để xác định độ tin cậy và để điều chỉnh. Kết quả cho thấy Cronbach $\alpha = 0,75$. Thang đo tốt [1].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các nhân tố cơ bản tạo nên định khuôn xã hội

Từ 43 biểu tượng chung về nghề giáo viên, bằng phương pháp phân tích nhân tố, nghiên cứu rút gọn còn 5 nhân tố cơ bản. Các nhân tố này được đặt tên như sau:

1. Tính gắn gũi và thân thiện trong quan hệ xã hội.
2. Tính ổn định của nghề nghiệp.
3. Năng lực và phẩm chất nghề.
4. Tính ít hấp dẫn của nghề.
5. Yêu cầu cao từ phía xã hội.

Mỗi nhân tố đó có các biểu hiện cụ thể trong bảng 1.

5 nhân tố cơ bản tạo ra định khuôn xã hội về nghề giáo viên cho thấy: định khuôn xã hội về nghề giáo viên tập trung vào 2 phương diện của nghề nghiệp: sự định vị xã hội (quan hệ xã hội và vị trí xã hội) của nghề giáo viên - các yếu tố 1, 4, 5 và tính chất, đặc điểm của nghề - các yếu tố 2, 3. Trong định khuôn xã hội về nhóm nghề giáo viên có mặt cả những yếu tố tích cực và các yếu tố tiêu cực. Điều này là phù hợp với định khuôn xã hội. Nó bao hàm những yếu tố sơ giản và giúp cá nhân có thể định hướng trong giao tiếp hoặc hoạt động với cá nhân thuộc về nhóm nghề nghiệp đó. Nhìn chung, các nét trong định khuôn xã hội là chưa sâu về tính chất và đặc điểm của nghề nhưng nó cũng tạo điều kiện để phân biệt ở một mức độ nhất định nghề nghiệp này với nghề nghiệp khác.

3.2. Định khuôn về nghề giáo viên

Những biểu hiện cụ thể nào của các nhân tố nêu trên được bao hàm trong định khuôn xã hội về nghề giáo viên. Kết quả được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 1: Các nhân tố cơ bản của định khuôn xã hội về nghề giáo viên

Stt	Nhân tố	Các biểu hiện
1	Tính gần gũi và thân thiện trong quan hệ xã hội	- Dễ có được tình cảm gắn bó với người khác - Dễ tạo được sự an tâm của người khác - Điềm đạm, tế nhị - Phong cách sống giản dị - Hành vi đúng mực - Có cách nhìn đúng về cuộc sống và con người
2	Tính ổn định của nghề nghiệp	- Suy nghĩ hơi lạc hậu - Ổn định, có sức ỳ lớn - Ít đòi hỏi sự sáng tạo - Giỏi lý thuyết hơn thực hành - Áp đặt ý kiến chủ quan - Già hơn tuổi
3	Năng lực và phẩm chất nghề	- Trình độ học vấn cao - Có ảnh hưởng lớn đến học sinh - Có khả năng giao tiếp, truyền đạt - Chuẩn mực - Kiên trì, có lòng yêu nghề - Được tôn trọng, có vị thế xã hội
4	Tính ít hấp dẫn của nghề	- Thu nhập không cao - Dễ thất nghiệp - Vất vả do chỉ sống bằng lương
5	Yêu cầu cao từ xã hội	- Dễ bị người khác soi xét - Khó làm vừa lòng mọi học sinh - Chịu nhiều áp lực từ học sinh, xã hội

Bảng 2: Những nét định khuôn xã hội về nghề giáo viên

Stt	Những nét định khuôn	Tỷ lệ %	Giá trị TB ($\bar{X}$)	Thứ bậc
1	Thu nhập không cao	75,7	2,4	9
2	Trình độ học vấn cao, hiểu biết	80,6	2,1	5
3	Được tôn trọng	89,7	1,8	2
4	Dễ tạo sự an tâm tin tưởng ở người khác	83,0	2,0	4
5	Dễ bị người khác soi xét	74,5	2,3	8
6	Ảnh hưởng lớn tới học sinh	89,1	1,9	3
7	Chịu nhiều áp lực từ học sinh, xã hội	77,0	2,22	7
8	Chuẩn mực	75,8	2,21	6
9	Yêu nghề, kiên nhẫn	97,6	1,6	1

Ghi chú: Tỷ lệ lựa chọn được tính trên $n = 165$ cho 1 nét định khuôn.

Tỷ lệ % được tính theo tổng % các câu trả lời từ đồng ý đến rất đồng ý. Tỷ lệ trên 70% được coi là nét định khuôn phổ biến. Chú thích này dùng cho cả bảng 3 và bảng 4.

Giá trị trung bình $\bar{x} \rightarrow 1$, đánh giá càng cao.

Những nét tạo ra định khuôn về nghề giáo viên đều là đại diện của 5 nhân tố cơ bản được rút ra ở phần trên. Tuy nhiên, có điều đáng lưu ý là nhân tố mang tính tiêu cực của nghề đã bị loại bỏ, không được coi là nét phổ biến trong định khuôn xã hội. Nói cách khác, định khuôn xã hội về nghề giáo viên hiện nay ở sinh viên là tương đối tích cực, mặc dù có những hiện tượng xã hội tiêu cực xảy ra trong nghề, nhưng định khuôn vẫn giữ được những đánh giá tích cực đối với nghề này. Nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này có thể là ở tính chất ổn định và tính kế thừa xã hội của định khuôn. Truyền thống tôn vinh nghề giáo viên, thái độ tôn trọng đối với nghề giáo viên vẫn còn phổ biến, do vậy, nó đóng vai trò chủ đạo trong định khuôn và hệ quả là loại bỏ bớt những nét tiêu cực trong định khuôn. Cùng với sự biến đổi của các điều kiện kinh tế xã hội và đặc biệt là vai trò, ảnh hưởng và phẩm chất của người giáo viên sẽ dẫn tác động đến định khuôn xã hội làm định khuôn có sự biến đổi theo những chiều hướng củng cố hay biến dạng. Để chỉ ra sự biến đổi của định khuôn xã hội cần có những nghiên cứu sau một khoảng thời gian nhất định để so sánh đối chiếu. Kết luận có thể rút ra ở đây chính là: Trong con mắt của xã hội nói chung, nghề giáo viên vẫn là nghề được coi trọng, được thừa nhận với những giá trị mang tính nhân văn.

3.3. Sự khác biệt giữa định khuôn nội nhóm và định khuôn ngoại nhóm

Để so sánh và từ đó chỉ ra sự khác biệt giữa định khuôn nội nhóm và định khuôn ngoại nhóm, các nét định khuôn nội nhóm và ngoại nhóm được xác định ở các bảng 3 và 4.

Bảng 3: Định khuôn ngoại nhóm

Slt	Những nét định khuôn	Tỷ lệ %	Giá trị TB ($\bar{x}$)	Thứ bậc
1	Thu nhập không cao	75,7	2,4	9
2	Trình độ học vấn cao, hiểu biết	80,6	2,1	5
3	Được tôn trọng	89,7	1,8	2
4	Dễ tạo sự an tâm tin tưởng ở người khác	83,0	2,0	4
5	Dễ bị người khác soi xét	74,5	2,3	8
6	Ảnh hưởng lớn tới học sinh	89,1	1,9	3
7	Yêu nghề, kiên nhẫn	97,6	1,6	1

Bảng 4: Định khuôn nội nhóm

Stt	Những nét định khuôn	Tỷ lệ %	Giá trị TB ($\bar{X}$)	Thứ bậc
1	Thu nhập không cao	75,7	2,4	9
2	Trình độ học vấn cao, hiểu biết	80,6	2,1	5
3	Được tôn trọng	89,7	1,8	2
4	Dễ tạo sự an tâm tin tưởng ở người khác	83,0	2,0	4
5	Dễ bị người khác soi xét	74,5	2,3	8
6	Ảnh hưởng lớn tới học sinh	89,1	1,9	3
7	Yêu nghề, kiên nhẫn	77,0	2,22	7
8	Chuẩn mực	75,8	2,21	6
9	Chịu nhiều áp lực từ học sinh, xã hội	97,6	1,6	1
10	Nhiều tình thương yêu người khác	77,1	2,45	10
11	Điểm đam mê nh	82,3	2,5	11
12	Giàu có về tinh thần	76,1%	2,52	12

Như vậy, số lượng các nét tạo nên định khuôn nội nhóm và ngoại nhóm không giống nhau. Định khuôn ngoại nhóm có số lượng các nét ít hơn so với định khuôn nội nhóm.

Sự khác biệt tập trung ở 5 nét định khuôn 8,9,10,11,12. Kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về 5 nét định khuôn này ở nhóm sư phạm và ngoài sư phạm (lần lượt là: $p = 0,009$; $p = 0,04$; $p = 0,00$; $p = 0,00$ và $p = 0,04$). Bên cạnh đó, các thứ bậc cho thấy vị trí của các nét trong định khuôn cũng không giống nhau. Rất đáng lưu ý: với định khuôn nội nhóm, áp lực từ phía xã hội (từ các nhóm khác trong xã hội) được coi là nổi bật (thứ bậc 1) trong khi nét này không có trong định khuôn ngoại nhóm. Rõ ràng, sự cảm nhận về vị trí của nhóm mình trong mối quan hệ và sự đánh giá của nhóm khác làm cho những cá nhân thuộc nhóm sư phạm đánh giá cao nét định khuôn này. Sự khác biệt này cho thấy:

1. Số lượng các nét định khuôn về nghề của sinh viên sư phạm đầy đủ hơn. Đây là điều dễ hiểu vì sinh viên sư phạm với tư cách là các thành viên của nhóm nghề nghiệp, do vậy họ có được các biểu tượng đầy đủ hơn về nghề của mình.

2. Các sinh viên sư phạm có xu hướng đề cao một số giá trị nghề nghiệp, trong khi các sinh viên ngoài sư phạm không thấy rõ các giá trị nghề nghiệp đó. Nguyên nhân định hướng giá trị nghề nghiệp là trong quá trình học tập sinh viên sư phạm đã được hình thành ở mức độ nhất định. Ngược lại, do tác động của các hiện tượng xã hội, các sinh viên ngoài sư phạm không đánh giá cao những đặc trưng được coi là truyền thống của nghề sư phạm: nhiều tình thương yêu người khác và giàu có về tinh thần. Sự khác biệt nhỏ này chứng tỏ trong định khuôn xã hội có những chuyển biến nhất định dưới ảnh hưởng của các điều kiện xã hội và lịch sử.

3. Định khuôn nội nhóm và ngoại nhóm có sự khác biệt nhất định nhưng không mâu thuẫn. Điều này cũng cho thấy sự tri giác xã hội tương đối xác đáng vị thế xã hội và đặc trưng của nhóm nghề này.

4. Sự thống nhất trong định khuôn xã hội là điều kiện tốt cho việc hợp tác giữa các cá nhân thuộc nhóm và ngoại nhóm, cũng như sẽ tạo ra định hướng hành vi tốt cho sinh viên sư phạm.

4. Kết luận

Có thể coi định khuôn về nghề giáo viên bao gồm 5 nhân tố cơ bản là: Tính gần gũi và thân thiện trong quan hệ xã hội, Tính ổn định của nghề nghiệp, Năng lực và phẩm chất nghề, Tính ít hấp dẫn của nghề, Yêu cầu cao từ xã hội.

Định khuôn nội nhóm và ngoại nhóm về nghề giáo viên có sự khác biệt nhất định, chủ yếu về nội dung định khuôn (các nét định khuôn), không có sự mâu thuẫn trong định khuôn nội nhóm và ngoại nhóm.

Xác định được định khuôn xã hội về nghề giáo viên giúp cho việc hình thành định hướng nghề nghiệp đúng, đồng thời tạo cơ sở để rèn hành vi đúng cho sinh viên sư phạm.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dũng, (2000), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội.
2. Allport, F.H, *Social psychology*, Routledge/Thoemes press.
3. Nunnally, J.(1978), *Psychometric Theory*, New York, MacGrawhill.